

# NGHIỆP

## NGHIỆP KẾ THEO NHIỆM VỤ (*kicca*)

1. Sanh Nghiệp (*janakakamma*), tức nghiệp tạo ra Ngũ uẩn, nói gọn là nghiệp tái sinh.
2. Trì Nghiệp (*upatthambhakakamma*), tức những nghiệp có nhiệm vụ bảo trì đời sống của một chúng sinh.
3. Chướng Nghiệp (*upapīlakakamma*) là những loại nghiệp làm ngăn trở hay gây khó khăn trong đời sống bình nhật của chúng sinh.
4. Đoạn Nghiệp (*upaghātakakamma*), tức loại nghiệp có tác dụng tàn phá hay chặn đứng sức sống của một chúng sanh.

## NGHIỆP PHÂN THEO CÁCH CHO QUẢ (*pākadānapariyāya*)

1. Trọng Nghiệp (*garukakamma*): Gồm những nghiệp thiện ác có khả năng mãnh liệt không thể ngăn chặn được bằng bất cứ một nghiệp nào khác và chắc chắn sẽ cho Quả Dị Thục ngay đời kế tiếp.
  - a) Trọng nghiệp bất thiện gồm Tà Kiến Cố Định (*niyatamicchādittṭhi*) và 5 tội đại nghịch còn gọi là Nghiệp vô gián (*pañcānantariyakamma*) là:
    - giết cha (*pitughāta*),
    - giết mẹ (*matughāta*),
    - giết A-lahán (*arahattaghāta*),
    - chia rẽ tăng chúng (*sanghabhedana*) và
    - làm thân Phật chảy máu (*lohituppāda*).
  - b) Trọng nghiệp thiện gồm có các tầng thiện Định Sắc giới, Vô sắc giới và Thánh đạo (*lokuttaramagga*).
2. Cận Tử Nghiệp (*marañāsannakamma*): Là các nghiệp được thực hiện ngay trước giờ phút lâm chung.
3. Thường Nghiệp (*āciṇṇakamma*): Là những nghiệp thiện ác tuy không lớn lao nhưng được lập đi lập lại nhiều lần trong lúc bình sinh, như nghề nghiệp hoặc những việc thường làm mỗi ngày.
4. Khinh Thiểu Nghiệp (*kaṭattākamma*): Là những nghiệp thiện ác vặt vãnh, rơi rớt trong một đời người mà thường khi ta cũng không nhớ đến.

## NGHIỆP PHÂN THEO THỜI GIAN CHO QUẢ (*pākakāla*)

1. Hiện Báo Nghiệp (*ditṭhadhammavedanīyakamma*): Nghiệp cho quả ngay đời hiện tại được tạo ra bởi tâm sở Tư trong Đồng lực thứ nhất.
2. Sanh Báo Nghiệp (*upapajjavedanīyakamma*): Nghiệp cho quả nhất định ở đời kế tiếp, ngay sau kiếp này. Sanh báo nghiệp được tạo bởi tâm sở Tư trong Đồng lực thứ bảy. Nếu không có cơ hội ở kiếp thứ hai này thì nó trở thành Vô hiệu nghiệp.
3. Hậu Báo Nghiệp (*aparāpariyavedanīyakamma*): Nghiệp cho quả từ đời thứ ba trở đi cho đến khi không còn hiệu lực. Nghiệp này được tạo ra bởi tâm sở Tư trong 5 Đồng lực giữa. Đến cả chư Phật Toàn Giác vẫn không thoát được sự ảnh hưởng của các Hậu báo nghiệp quá khứ.
4. Vô Hiệu Nghiệp (*ahosikamma*), gồm các trường hợp:
  - a) Các nghiệp thiện ác đã hết hạn cho quả (do bị chèn lấn bởi các nghiệp khác mạnh hơn). Với người đã không còn cơ hội chịu quả (như với người sanh cõi cao hoặc vị A-la-hán đã viên tịch).
  - b) Các nghiệp không còn giữ được tác dụng cũ (như người đắc được Nhị thiên thì lúc lâm chung Sơ thiên của vị ấy là Vô hiệu nghiệp).

## CÁC LOẠI NGHIỆP CĂN (pākathāna)

1. Nghiệp Bất Thiện (akusala): Gồm tâm sở Tư trong 12 tâm bất thiện, có năng lực dẫn sanh đọa xứ.
2. Nghiệp Thiện Dục Giới (kāmāvacarakusalakamma): Là tâm sở Tư trong 8 tâm Đại thiện, có năng lực dẫn sanh 7 cõi nhân thiên Dục giới.
3. Nghiệp Thiện Sắc Giới (rūpāvacarakusalakamma): Là tâm sở Tư trong 5 tâm thiện Sắc giới, có năng lực dẫn sanh 16 cõi Sắc giới.
4. Nghiệp Thiện Vô Sắc Giới (arūpāvacarakusalakamma): Là tâm sở Tư trong 4 tâm thiện Vô sắc giới, có năng lực dẫn sanh 4 cõi Vô sắc giới.

Tất cả các nghiệp vừa kể chung quy tạo ra 2 thứ quả báo:

- a) Danh uẩn Dị Thục (vipākanāmakkhandha), là tất cả tâm quả Hiệp thể. Nói vậy có nghĩa là các tâm thiện ác đời này hoàn toàn không phải là nghiệp quá khứ mà do ta tạo ra ngay hiện tại. Nếu có một quan hệ nào đó trong quá khứ thì chỉ là vấn đề thói quen huân tập từ trước cộng với hoàn cảnh hiện tại.
- b) Sắc pháp sinh học (kaṭattarūpa) chỉ cho Sắc Nghiệp (kammajarūpa) và Sắc Nhiệt Lượng (utujarūpa) trong cơ thể chúng sanh hay có liên hệ gián tiếp đến đời sống của chúng sanh.

## NGHIỆP MÔN (kammadvāra)

Chúng sanh có 3 cách tạo nghiệp, ở đây gọi là nghiệp môn:

1. Thân nghiệp (kāyakamma), tức nghiệp thiện ác được thực hiện qua ngũ thân, với sự trợ giúp của thân biểu tri.
2. Khẩu nghiệp (vacīkamma) tức ngôn ngữ hay lời nói được tác động bằng tâm thiện hay bất thiện và được thực hiện bởi khẩu biểu tri.
3. Ý nghiệp (manokamma), tất cả tư tưởng thiện ác diễn ra trong nội tâm, không cần thể hiện qua hành động hay lời nói.

## MƯỜI BẤT THIỆN NGHIỆP (akusalakammamāra)

Thân nghiệp bất thiện kể vắn tắt theo kinh gồm có 3:

1. Sát sanh (pāṇātipātā)
2. Trộm cắp (adinnādānā)
3. Tà dâm (kamesumicchācārā)

Khẩu nghiệp bất thiện kể vắn tắt theo kinh gồm có 4:

1. Nói dối (musāvādā)
2. Nói đâm thọc (pisuṇavācā)
3. Nói lời ác ngữ (pharusavācā)
4. Nói phiếm luận (samphappalāpa)

Ý nghiệp bất thiện kể vắn tắt theo kinh gồm có 3:

1. Tham ác (abhiññhā), lòng tham đủ mạnh để tạo các nghiệp bất thiện qua đường Thân Khẩu.
2. Sân ác (vyāpāda), lòng sân đủ mạnh để tạo các nghiệp bất thiện qua đường Thân Khẩu.
3. Tà kiến (micchādiṭṭhi) gồm Thường kiến và Đoạn Kiến.

## MƯỜI THIỆN NGHIỆP (kusalakammapatha)

1. Thân Thiện Hạnh (kàyasucarita), tức những hành động tốt đẹp gồm có 3:

1. Cố ý tránh xa sự sát sanh (pāṇātipātāvirati)
2. Cố ý tránh xa sự trộm cắp (adinnādānāvirati)
3. Cố ý tránh xa sự tà dâm (Kamesu-micchācārāvirati)

2. Khẩu Thiện Hạnh (vacīsucarita), tức ngôn ngữ tốt đẹp gồm 4:

1. Cố ý tránh xa sự nói dối (musāvādāvirati)
2. Cố ý tránh xa sự nói lời đâm thọc (pisunavācāvirati)
3. Cố ý tránh xa sự nói lời ác ngữ (pharusavācāvirati)
4. Cố ý tránh xa sự nói phiếm luận (samphappalāpavirati)

3. Ý Thiện Hạnh (Kusalamanokamma), tức những tư tưởng tốt đẹp gồm có 3:

1. Vô Tham (anabhijjhā)
2. Vô Sân (avyāpāda)
3. Chánh Kiến (sammā-diṭṭhi)

## MƯỜI PHƯỚC NGHIỆP SỰ (puññakiriyavatthu)

Gồm các nghiệp lành mà trong kinh thường kể có 10 điều sau đây, được chia thành 3 nhóm:

1. Nhóm Bố Thí (dāna) do tâm sở Vô Tham tác động, đối lập với tâm sở Tham và Lận, gồm:

1. Bố Thí (dāna): Là sự xả tài giúp người.
2. Hồi Hướng (puñña-uddissa): Là chia sẻ phước báo.
3. Tùy Hỷ (anumodanā): Là sự vui theo hạnh lành của người khác.

Hạnh này được ví dụ như hai chân của một người.

2. Nhóm Trì Giới (sīla) là các hạnh lành do tâm sở Vô Sân tác động, đối lập với tâm sở Sân và Tật, gồm:

1. Giới (sīla)
2. Cung Kính (apacāyana)
3. Phục vụ (veyyāvacca)

Nhóm này tượng trưng cho phần thân thể một người.

3. Nhóm Tu Tiến (bhāvanā) là các hạnh lành do tâm sở Trí Tuệ tác động, đối lập lại với tâm sở Si, gồm:

1. Chỉ Quán (bhāvanā)
2. Nghe pháp (dhammassavana)
3. Thuyết pháp (dhammadesana)
4. Điều chỉnh tri kiến (diṭṭhujukatā)

Nhóm này tượng trưng cho cái đầu của một người.

Trích Triết học A-tỳ-đàm của Phật giáo truyền thống